

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn
2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1992, cư trú tại: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1986, cư trú tại: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Ngô Văn Q qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thọ Xuân vào ngày 22/12/2015, sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 06 tháng thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và do anh Q có sử dụng chất kích thích, dẫn đến mất kiểm soát về là kiểm soát hành hung, đánh đập chị. Gia đình hai bên hàn gắn, khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng; Chị L không chịu đựng được cách sinh hoạt, đối xử của anh Q nên từ ngày 12/5/2017 vợ chồng đã sống ly thân. Sau ngày anh Q đến Tòa án làm việc về đã bỏ đi vào miền Nam, không nói cho chị biết đi đâu, làm gì, hiện chị không biết anh Q ở đâu. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Ngô Hoàng H, sinh ngày 11/9/20xx, hiện cháu H đang ở cùng với chị L. Nguyên vọng của chị L là xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Q không có nghề nghiệp ổn định, hiện không biết đang ở đâu.

Về tài sản và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ tiền của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2017 bị đơn là anh Ngô Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị L quen biết nhau là do bố mẹ hai bên mai mối, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thọ Xuân. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Q, sau đó đi làm ăn trong Nam một tháng, rồi lại về sinh sống cùng bố mẹ anh Q tại xã Thọ Hải. Khoảng một tuần trở lại đây thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mẹ vợ có vay tiền của vợ chồng và khi anh đi làm chị L ở nhà có bán hết vàng trong két rồi bỏ vàng giả vào, anh đi làm gửi tiền về chị L đem cho bà ngoại hết. Vợ chồng chỉ mới ly thân được mấy ngày. Nay anh Q thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không phải lớn, nên anh Q không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: anh Q xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Ngô Hoàng H, sinh ngày 11/9/20xx. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn nguyên vọng của anh Q là để chị L được nuôi con, còn anh Q có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản: anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung

Về công nợ: anh Q khai vợ chồng có nợ bố mẹ chồng là ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H 72.000.000 đồng, ngoài ra chị L có vay riêng của bố mẹ chồng 5.000.000 đồng; Vợ chồng cho mẹ vợ là Nguyễn Thị H vay 1,2 cây vàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q, ông T, bà H và bà H đến để trình bày về quan hệ vay nợ tài sản theo lời khai của anh Q nói trên.

Tại giấy báo cáo ngày 14/6/2017 bà Nguyễn Thị H trình bày: giữa bà với vợ chồng anh Q, chị L không hề có việc vay mượn tài sản như anh Q khai tại Tòa.

Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án theo biên bản giao giấy triệu tập ngày 27/5/2017, nhưng không đến Tòa án làm việc

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2017 Công an xã T, cho biết: Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1986, có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã không có mặt tại địa phương từ cuối tháng 5 năm 2017, không có khai báo tạm vắng, hiện không rõ đang ở đâu. Công an xã đã giao giấy triệu tập của Tòa án cho ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H theo quy định, nhưng không hiểu lý do vì sao ông T và bà H không đến Tòa án làm việc; Hiện tại trong gia đình bà H đi làm công ty, ông T đi bán gà nhép rong nên thường xuyên không có mặt tại nhà, việc giao các văn bản của Tòa án không thực hiện được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Tòa án, cũng như nguyên đơn biết, bị đơn đã tự từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa theo vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho chị L được ly hôn với anh Q; Về con chung: giao cháu Ngô Hoàng H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản và nợ chung: không xem xét giải quyết; Về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị L khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn Q, địa chỉ tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Văn Q thay đổi nơi cư trú, mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn và Tòa án biết, đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về sự vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Ngô Văn Q là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được UBND xã T, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ anh Q tại xã T và có đi vào miền Nam làm ăn khoảng 01 tháng lại về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Q. Tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 06 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Chị Hoàng Thị L nói nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Q có sử dụng chất kích thích, dẫn đến mất kiểm soát về là kiểm soát hành hung, đánh đập chị; Anh Q nói nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng xuất phát từ việc mẹ vợ có vay tiền của vợ chồng và khi anh đi làm chị L ở nhà có bán hết vàng trong két rồi bỏ vàng giả vào, anh đi làm gửi tiền về chị L đem cho bà ngoại hết. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ ngày 12/5/2017 vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; Tại bản tự khai ngày 19/5/2017 anh Q thừa nhận tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh Q không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ, nhưng quá trình giải quyết vụ án, sau ngày 19/5/2017 là ngày anh Q có đến Tòa án làm Bản tự khai anh Q đã thay đổi nơi cư trú, mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn và Tòa án biết, đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ; Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q nhiều lần, nhưng anh Q không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q được, như vậy anh Q đã tự từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình. Anh Q mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng quá trình giải quyết vụ án không có ý thức xây dựng, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thể hiện được mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy chị L và anh Q không còn thương yêu, quý trọng nhau, tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L, xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Ngô Văn Q là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Ngô Văn Q xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Ngô Hoàng H, sinh ngày 11/9/20xx, hiện đang ở với chị L.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị L thấy rằng: cháu Ngô Hoàng H đang còn nhỏ, tính đến ngày xét xử đang ở độ tuổi dưới 36 tháng tuổi, chị L có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con, hơn nữa tại Bản tự khai ngày 19/5/2017 anh Q trình bày nguyện vọng là để chị L được nuôi con, còn anh Q có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung và hiện tại anh Q không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của chị L; Giao cháu Ngô Hoàng H cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị L, nên được Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Về phần tài sản: Chị Hoàng Thị L và anh Ngô Văn Q đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2017 anh Q có khai về công nợ: vợ chồng có nợ bố mẹ chồng là ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị H 72.000.000 đồng, ngoài ra chị L có vay riêng của bố mẹ chồng 5.000.000 đồng; Vợ chồng cho mẹ vợ là Nguyễn Thị H vay 1,2 cây vàng.

Thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q, ông T, bà H và bà H đến để trình bày về quan hệ vay nợ tài sản theo lời khai của anh Q; Tại giấy báo cáo ngày 14/6/2017 bà Nguyễn Thị H xác định giữa bà với vợ chồng anh Q, chị L không hề có việc vay mượn tài sản như anh Q khai; Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2017 Công an xã T, cho biết: Anh Ngô Văn Q đã không có mặt tại địa phương từ cuối tháng 5 năm 2017, hiện không rõ đang ở đâu; Hiện tại trong gia đình bà H đi làm công ty, ông T đi bán gà nhép rong nên thường xuyên không có mặt tại nhà, việc giao các văn bản của Tòa án không thực hiện được; Anh Q, ông T và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án làm việc, nên chưa có cơ sở để xem xét giải quyết; Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản trong vụ án này, khi nào các đương sự có yêu cầu thì được quyền khởi kiện đến Tòa án để được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị L,

Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Ngô Văn Q.

2. Về con chung: Công nhận chị Hoàng Thị L và anh Ngô Văn Q có 01 (một) con chung là cháu Ngô Hoàng H, sinh ngày 11/9/20xx, hiện đang ở với chị L.

Giao cháu Ngô Hoàng H cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị L không yêu cầu anh Ngô Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000537 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến